

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 121/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- ***Thư ký phiên tòa*** : Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tổ Lâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2019 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Bích P, sinh năm 1986 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1982 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Bích P trình bày:

Bà Lê Thị Bích P tự nguyện kết hôn với ông Nguyễn Minh V vào ngày 19/01/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình duy trì hôn nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng hai năm trở lại đây, nguyên nhân do quan điểm bất đồng, vợ chồng không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn dẫn đến thường xuyên cãi vã, đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng đã tự sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc không quan tâm tới nhau. Nay bà P xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nên xin được ly hôn ông Nguyễn Minh V.

Về con chung: Vợ chồng bà P có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/3/2007. Từ khi ly thân, do bà P không có chỗ ở ổn định nên có thời gian cháu ở với ông V để đi học, có thời gian sống với bà P. Hiện nay cháu N đang ở cùng bà P. Khi ly hôn bà P xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hiện nay bà P đang buôn bán trái cây, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng - 10.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà P không có tài sản chung.

- Về công nợ: Không có.

Tại bản tự khai ngày 05/7/2019 ông Nguyễn Minh V trình bày:

Ông V và bà P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/01/2004. Quá trình duy trì hôn nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã tự sống ly thân mỗi người một nơi 02 năm trở lại đây. Nguyên nhân do quan điểm bất đồng. Nay ông V xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn nên ông V xin ly hôn với bà P.

Về con chung: Vợ chồng ông V có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/3/2007. Khi ly hôn ông V đồng ý để bà P trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P, cho bà P được ly hôn ông V và giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Minh V đã được tòa án thông báo hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không tới tòa để tham gia hòa giải mà có đơn từ chối hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lê Thị Bích P và ông Nguyễn Minh V tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/01/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà P và ông V xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn nên thường xảy ra cãi vã, và vợ chồng đã tự sống ly thân mỗi người một nơi hai năm trở lại đây, suốt trong thời gian ly thân cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc không quan tâm tới nhau. Nay cả bà P và ông V đều xác định tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng và xin được thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà P – ông V đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông V của bà P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà P – ông V có một con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/3/2007, bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, ông V cũng đồng ý và cháu N cũng có ý kiến xin được ở với bà P; Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu N cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà P và ông V đều xác định không có tài sản chung.

- Về công nợ: Bà P và ông V xác định không có nên không yêu cầu giải quyết .

[3] Về án phí: Bà P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Bích P và ông Nguyễn Minh V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/3/2007 cho bà Lê Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và công nợ: Bà P và ông V đều xác định không có.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Nguyễn Ngọc L đã nộp thay bà P tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0001742 ngày 13/6/2019.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND p. T, Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Dư